MIRAE ASSET Securities

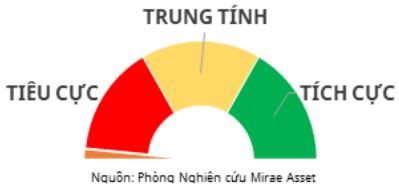
01 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,749.30	-1.1	-4.5	5.1
HNX	268.66	-1.1	-5.7	-1.7
UPCOM	126.52	0.2	-0.8	15.2
MSCI EM	1,704.87	0.2	-1.3	26.0
NIKKEI	68,956.72	3.3	4.1	54.8
HANG SENG	24,613.27	0.4	-2.8	-9.8
KOSPI	6,971.35	1.9	2.0	101.7
FTSE	10,405.15	-1.9	-3.6	10.1
S&P 500	7,651.54	-0.3	0.3	14.0
NASDAQ	26,861.06	0.2	2.9	18.0

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.9	2.0	16.0
Indonesia	13.4	1.6	12.3
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.3	1.5	10.4
Thailand	14.7	1.4	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-1	123
TPCP 10 năm	4.5	0	2	84

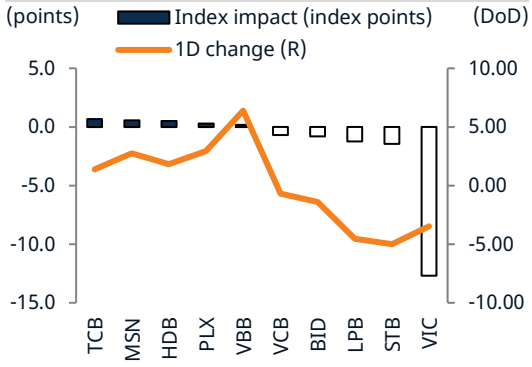
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,973	0.0	-0.4	-1.7
US$/KRW	1,362.3	0.4	-0.8	-2.9
US$/JPY	158.28	0.6	-1.2	7.6
US$/EUR	0.8854	0.3	2.6	3.9
US$/GBP	0.7564	0.3	2.2	2.0
US$/SGD	1.2805	0.3	0.6	-0.6

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	591	510	614
HNX	25	24	34
UPCOM	144	13	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index lùi dưới mốc 1.750 điểm

Trong phiên giao dịch, thị trường mở cửa với sắc đỏ và lan rộng đáng kể về cuối phiên. Thanh khoản trong phiên này có phần sụt giảm so với phiên liền trước, cho thấy sự thận trọng của dòng tiền.

Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.749,3 điểm, giảm 19,32 điểm (-1,09%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh giảm 10,94% đạt khoảng 449 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 11.186 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 110 mã tăng, 177 mã giảm và 76 mã đứng giá.

Rổ VN30 ghi nhận mức giảm 16,24 điểm, đi kèm sự phân hóa rõ rệt tại nhóm Ngân hàng (STB giảm sâu 5%, trong khi TCB và HDB vẫn duy trì dòng tiền đỡ giá tốt). Nhóm ngành chính nâng đỡ thị trường hôm nay gồm Dược phẩm (DCL, DBD, IMP), năng lượng (PLX, PVP, PVD). Ở chiều ngược lại, các ngành gây áp lực lên thị trường tập trung tại bất động sản (VIC, VHM, VRE), phần cứng và hàng hóa thiết yếu (VNM, SBT).

Khối ngoại mua ròng với giá trị hơn 3.077 tỷ đồng toàn thị trường, nổi bật với MSR với giá trị mua ròng đạt 3.151 tỷ đồng, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 63 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như TCB (-86 tỷ đồng), MSB (-69 tỷ đồng) và VNM (-47 tỷ đồng). Ngược lại, dòng tiền mua diễn ra tập trung tại SBT (171 tỷ đồng), HDB và VHM (cùng 61 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm, làm điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức -5 điểm xuống mức -7 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.9x.

Huỳnh Thị Thu Thảo, Analyst, 84-8-39102222, thao.htt@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-5	TIÊU CỰC
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/10/2026)	1.749	Kháng cự 1	1.900
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.930
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.800
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.700

VN-Index đánh mất mốc 1.750 điểm, thanh khoản suy giảm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/10/2026)	1.895	Kháng cự 1	**2.000**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.050**
VN30 - đóng cửa	1.890	Hỗ trợ 1	**1.950**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+4,43**	Hỗ trợ 2	**1.900**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-7	**TIÊU CỰC**

VN30F1M duy trì đà giảm điểm, độ lệch so với VN30 tăng với mức 4,43 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
BVH	Bảo hiểm nhân thọ	74,500	905,070	**92**	4	
REE	Điện	47,900	396,280	**90**	4	
VPB	Ngân hàng	23,300	22,602,476	**99**	6	
VGC	Vật liệu xây dựng	44,500	493,750	**89**	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
MSR	58.6	2,184,250	**7**	**KHẢ QUAN**	64,450	5860.0	5.3	128
GMD	78.5	737,590	**7**	**KHẢ QUAN**	33,480	13.9	2.4	58
QNS	51.8	297,085	**7**	**KHẢ QUAN**	19,044	8.4	1.5	15
VPB	23.3	22,602,476	**6**	**KHẢ QUAN**	233,000	7.8	1.3	527
FRT	146.6	568,255	**6**	**KHẢ QUAN**	26,215	23.1	5.5	83
MSN	70.9	4,272,530	**5**	**KHẢ QUAN**	103,541	15.3	2.7	303
ORS	13.5	2,086,160	**5**	**KHẢ QUAN**	8,423	14.3	1.1	28
HAG	14.75	1,873,450	**5**	**KHẢ QUAN**	18,694	5.5	1.2	28
PHR	33.85	494,055	**5**	**KHẢ QUAN**	8,256	8.8	1.8	17
HDB	28	10,977,365	**4**	**KHẢ QUAN**	140,148	7.0	1.6	307
MWG	72.6	2,446,990	**4**	**KHẢ QUAN**	107,135	10.8	3.0	178
POW	12.9	5,895,190	**4**	**KHẢ QUAN**	39,575	6.5	1.0	76
BVH	74.5	905,070	**4**	**KHẢ QUAN**	55,303	16.7	2.1	67
VGC	44.5	493,750	**4**	**KHẢ QUAN**	19,952	14.0	2.4	22
DRI	15.5	1,233,310	**4**	**KHẢ QUAN**	1,135	7.2	1.6	19
REE	47.9	396,280	**4**	**KHẢ QUAN**	29,837	11.3	1.4	19
EVF	11.5	1,455,805	**4**	**KHẢ QUAN**	8,747	9.3	0.8	17
HVN	20.75	790,105	**4**	**KHẢ QUAN**	64,564	14.2	6.8	16
DPR	38.45	365,290	**4**	**KHẢ QUAN**	3,341	9.3	1.2	14
CTD	59.3	234,610	**4**	**KHẢ QUAN**	6,631	7.8	0.7	14
NVB	13.7	912,215	**4**	**KHẢ QUAN**	26,413	82.0	1.8	12
DCL	46.5	1,701,565	**3**	TRUNG TÍNH	3,396	#N/A N/A	2.3	79
TCB	33	15,056,750	**2**	TRUNG TÍNH	233,846	8.6	1.3	497
GEX	23.75	8,218,730	**2**	TRUNG TÍNH	31,076	22.6	1.6	195
PVS	34	3,882,505	**2**	TRUNG TÍNH	20,866	9.9	1.3	132
EIB	16.6	4,276,140	**2**	TRUNG TÍNH	30,921	62.9	1.2	71
HAH	51.5	1,037,470	**2**	TRUNG TÍNH	9,700	7.4	1.9	53
IDC	33.6	1,284,315	**2**	TRUNG TÍNH	14,026	6.5	2.1	43
PET	53	776,160	**2**	TRUNG TÍNH	8,201	26.9	3.3	41
PVP	21.6	1,356,755	**2**	TRUNG TÍNH	2,240	6.9	1.1	29
DHC	39.05	452,350	**2**	TRUNG TÍNH	4,149	7.7	1.7	18
VHC	49.9	298,550	**2**	TRUNG TÍNH	10,452	7.6	1.1	15
BSR	31.35	13,501,670	**0**	TRUNG TÍNH	156,979	7.9	2.1	423

PLX	36.65	5,264,455	**0**	TRUNG TÍNH	47,421	15.2	1.8	193
PVT	23.75	7,781,650	**0**	TRUNG TÍNH	12,277	8.6	1.3	185
VJC	129.6	1,085,215	**0**	TRUNG TÍNH	99,675	45.2	3.8	141
TPB	14.4	9,047,250	**0**	TRUNG TÍNH	39,946	5.3	0.9	130
VSC	13.15	8,025,335	**0**	TRUNG TÍNH	4,923	14.3	0.9	106
GVR	32.75	2,555,800	**0**	TRUNG TÍNH	131,000	18.5	2.2	84
VIB	13.4	4,327,205	**0**	TRUNG TÍNH	49,947	6.7	1.0	58
PC1	20.2	1,536,400	**0**	TRUNG TÍNH	8,308	8.2	1.2	31
VC3	23.5	1,304,120	**0**	TRUNG TÍNH	3,497	49.2	2.2	31
HSG	10	2,024,660	**0**	TRUNG TÍNH	8,073	12.3	0.7	20
CTG	30.05	7,587,300	**-2**	TRUNG TÍNH	233,397	5.8	1.2	228
VCI	19.5	8,826,535	**-2**	TRUNG TÍNH	22,469	14.0	1.3	172
GAS	82	1,573,375	**-2**	TRUNG TÍNH	197,862	15.6	2.9	129
PVD	18.35	5,878,490	**-2**	TRUNG TÍNH	17,024	17.5	1.0	108
SHS	13.3	7,461,025	**-2**	TRUNG TÍNH	11,963	11.9	1.0	99
DGW	45.2	2,116,230	**-2**	TRUNG TÍNH	10,096	11.9	2.7	96
MCH	138.9	608,385	**-2**	TRUNG TÍNH	181,599	25.7	9.6	85
DPM	22.4	3,543,670	**-2**	TRUNG TÍNH	15,230	8.9	1.3	79
PDR	11.25	3,859,630	**-2**	TRUNG TÍNH	11,225	18.1	0.9	43
DIG	9.55	3,663,285	**-2**	TRUNG TÍNH	8,062	10.4	0.8	35
BCM	39.5	543,135	**-2**	TRUNG TÍNH	40,882	21.6	1.9	21
NAF	47.95	328,620	**-2**	TRUNG TÍNH	2,934	13.7	3.3	16
MBB	19.55	11,257,745	**-3**	TRUNG TÍNH	196,844	6.3	1.3	220
VNM	58.6	2,304,380	**-3**	TRUNG TÍNH	122,471	12.4	3.8	135
LPB	42	2,056,100	**-3**	TRUNG TÍNH	125,466	11.1	2.9	86
HHV	8.95	2,073,305	**-3**	TRUNG TÍNH	4,897	7.7	0.5	19
HHP	17.5	1,034,650	**-3**	TRUNG TÍNH	1,613	33.6	1.6	18
E1VFVN30	34.22	503,055	**-3**	TRUNG TÍNH	5,814	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	17
NKG	9.45	1,556,500	**-3**	TRUNG TÍNH	4,652	27.9	0.6	15
VHM	68.4	10,562,280	**-4**	**TIÊU CỰC**	561,894	7.1	2.1	722
SSI	20.15	19,835,696	**-4**	**TIÊU CỰC**	60,235	11.9	1.5	400
NVL	10.4	18,408,240	**-4**	**TIÊU CỰC**	33,309	5.6	0.5	191
VRE	24.15	4,784,260	**-4**	**TIÊU CỰC**	54,876	7.6	1.1	116
DXG	10.2	10,013,145	**-4**	**TIÊU CỰC**	12,935	64.4	0.9	102
CII	12.25	7,224,495	**-4**	**TIÊU CỰC**	8,232	84.1	0.9	89
TCH	11.3	4,280,200	**-4**	**TIÊU CỰC**	11,338	37.9	1.0	48
MBS	15.6	2,728,915	**-4**	**TIÊU CỰC**	15,615	10.8	1.3	43
NLG	21.85	1,885,775	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,602	17.7	0.8	41
SBT	22.6	1,190,015	**-4**	**TIÊU CỰC**	21,123	28.9	1.8	27
VCG	13.65	1,791,925	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,530	2.5	0.8	24
BVS	26.3	752,640	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,899	9.9	0.7	20
SAB	43.3	444,585	**-4**	**TIÊU CỰC**	55,535	12.0	2.8	19
AAA	7.16	2,280,575	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,819	5.2	0.5	16
CTR	71.5	209,350	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,160	14.0	4.1	15
VIC	220	4,142,530	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,707,681	78.6	9.8	911
FPT	62.7	5,715,405	**-5**	**TIÊU CỰC**	118,237	11.8	2.9	358
VCB	57.6	4,506,380	**-5**	**TIÊU CỰC**	481,287	11.6	1.9	260
STB	70.3	3,072,845	**-5**	**TIÊU CỰC**	132,531	21.6	2.1	216

BID	35.45	3,603,980	**-5**	**TIÊU CỰC**	275,739	8.3	1.4	128
VPI	58.4	1,904,210	**-5**	**TIÊU CỰC**	20,560	51.1	3.8	111
HCM	23.55	3,248,670	**-5**	**TIÊU CỰC**	31,791	22.0	2.0	77
KDH	15.15	4,366,790	**-5**	**TIÊU CỰC**	17,002	10.4	0.9	66
HUT	12.5	1,318,135	**-5**	**TIÊU CỰC**	13,354	22.3	1.2	16
ACB	21.1	7,102,550	**-6**	**TIÊU CỰC**	122,473	7.8	1.2	150
DCM	33.7	3,388,035	**-6**	**TIÊU CỰC**	17,841	7.7	1.6	114
CEO	10.8	4,902,215	**-6**	**TIÊU CỰC**	6,434	33.6	1.0	53
OIL	13.4	2,974,805	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,859	39.1	1.3	40
DGC	35.4	850,605	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,444	6.7	0.9	30
KBC	25.4	1,141,325	**-6**	**TIÊU CỰC**	23,921	20.9	1.0	29
SHB	11.35	39,613,316	**-7**	**TIÊU CỰC**	60,651	4.4	0.7	450
VIX	12.15	32,511,944	**-7**	**TIÊU CỰC**	31,259	5.9	1.0	395
HPG	20.05	16,716,745	**-7**	**TIÊU CỰC**	169,282	7.3	1.2	335
VND	13.7	9,631,600	**-7**	**TIÊU CỰC**	20,856	7.7	1.0	132
PNJ	24.75	3,995,645	**-7**	**TIÊU CỰC**	12,665	5.2	0.9	99
CTS	20.2	1,117,535	**-7**	**TIÊU CỰC**	5,499	14.6	1.9	23
DBC	15	1,082,680	**-7**	**TIÊU CỰC**	6,466	5.6	0.8	16
HDG	15.25	1,020,040	**-7**	**TIÊU CỰC**	6,206	6.6	0.9	16

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Thị trường trái phiếu toàn cầu rơi vào "vòng xoáy bán tháo"

Thị trường trái phiếu Chính phủ toàn cầu tiếp tục chịu sức ép trong ngày 01/10, khi lợi suất tại Nhật Bản và Australia tiến sát các mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng hơn 0.5 điểm phần trăm trong tháng 9/2026, lên mức cao nhất kể từ năm 2007. Các nhà đầu tư cảnh báo thị trường trái phiếu lớn nhất thế giới có thể rơi vào một "vòng xoáy bán tháo" ngày càng nghiêm trọng. Lợi suất trái phiếu chính phủ Nhật Bản kỳ hạn 10 năm tăng 0.04 điểm phần trăm lên 3.1%, gần mức cao nhất trong 30 năm được thiết lập vào cuối tháng 9. Lợi suất tăng đồng nghĩa giá trái phiếu giảm.

Tại Australia, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm tăng 0.06 điểm phần trăm lên 5.4%, gần mức cao nhất kể từ năm 2011. Tại New Zealand, lợi suất cùng kỳ hạn tăng 0.06 điểm phần trăm lên 5.13%. Trong khi đó, lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm nhẹ trong ngày 01/10, xuống 5.28%, sau khi có lúc tăng lên 5.31% - mức cao nhất kể từ năm 2002. Diễn biến này xảy ra ngay cả khi giá dầu Brent, giá tham chiếu của thị trường dầu quốc tế, giảm khoảng 1% xuống dưới 97 USD/thùng. Mối tương quan giữa giá dầu và trái phiếu Kho bạc Mỹ hiện đang ở mức chặt chẽ nhất kể từ năm 1990.

"Áp lực lên trái phiếu chính phủ Nhật Bản là không ngừng nghỉ", Mitul Kotecha, Trưởng bộ phận chiến lược ngoại hối châu Á và chiến lược vĩ mô các thị trường mới nổi tại Barclays, nhận định. "Đó là sự kết hợp giữa hiệu ứng lan truyền từ những gì đang xảy ra trên thị trường Mỹ và, ở một mức độ nào đó, sự bất định về việc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) có tiếp tục thắt chặt chính sách hay không", ông nói. "Những lo ngại về tài khóa vẫn tiếp tục chi phối thị trường". Diễn biến trên diễn ra trong bối cảnh khảo sát Tankan hàng quý của BOJ cho thấy tâm lý doanh nghiệp tổng thể tích cực nhất kể từ trước đại dịch Covid-19.

Chỉ số được theo dõi sát sao về điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất lớn tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2018. Trong khi đó, đánh giá về điều kiện kinh doanh trên toàn bộ các ngành và quy mô doanh nghiệp cũng tăng lên mức cao nhất kể từ năm 1991. "Khảo sát Tankan tiếp tục cho thấy nền kinh tế Nhật Bản đang ổn định", Ryutaro Kimura, chiến lược gia cấp cao về thu nhập cố định tại BNP Paribas Asset Management, nói. "Điều này sẽ hỗ trợ BoJ tiếp tục tăng lãi suất". Một số chuyên gia khác cho rằng kết quả khảo sát có thể giúp ngân hàng trung ương Nhật Bản tự tin hơn trong việc tiếp tục nâng lãi suất.

Tuy nhiên, họ lưu ý khảo sát không cho thấy các doanh nghiệp đang đặc biệt lo ngại về áp lực lạm phát gia tăng. Đồng Yên suy yếu trong ngày 01/10, giảm 0.5% so với USD xuống 158.16 Yên/USD, bất chấp những cảnh báo gần đây từ các quan chức Nhật Bản về biến động tỷ giá. Kimura của BNP cho rằng đồng Yên yếu đi do thị trường dự báo BOJ sẽ trì hoãn đợt tăng lãi suất tiếp theo. Kotecha của Barclays bổ sung rằng "đà tăng trên diện rộng của đồng USD " cũng đang gây áp lực lên đồng Yên. Gần đây, thị trường tập trung vào khả năng BOJ có thể cân nhắc tăng lãi suất ngay trong tháng 10/2026, sau khi ngân hàng này nâng lãi suất điều hành lên 1.25% trong tháng 9.

Bản tóm tắt các ý kiến tại cuộc họp chính sách tháng 9, cũng được công bố trong ngày 01/10, cho thấy các thành viên hội đồng BOJ đưa ra nhiều quan điểm theo hướng thắt chặt chính sách. Tuy nhiên, các nhà giao dịch tiền tệ cho rằng những tín hiệu này chưa đủ mạnh để biện minh cho một đợt tăng lãi suất trong tháng 10, qua đó tạo thêm áp lực bán lên đồng Yên. Thị trường chứng khoán nhìn chung khá bình lặng. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng hơn 2%, trong khi Kospi của Hàn Quốc tăng 0.7% và chỉ số chuẩn của

Australia giảm 1.7%. Thị trường Trung Quốc đại lục và Hồng Kông đóng cửa trong ngày 01/10 nhân dịp Quốc khánh. Hợp đồng tương lai S&P 500 tăng 0.4%.

Nguồn: vietstock.vn

Dòng chảy dầu thô qua eo biển Hormuz trở lại mức trước chiến tranh

Lượng dầu thô vận chuyển qua eo biển Hormuz về cơ bản đã trở lại mức bình thường trước khi chiến tranh giữa Mỹ và Iran nổ ra, nhờ các đoàn tàu chở dầu được quân đội Mỹ hộ tống và hoạt động vận chuyển được chuyển hướng qua các tuyến đường ống. Theo dữ liệu Kpler, công ty theo dõi hoạt động tàu chở dầu và dòng chảy thương mại toàn cầu, lượng dầu thô đi qua Hormuz đạt mức trung bình 13.5 triệu thùng/ngày trong 7 ngày tính đến ngày 28/09, tương đương mức cơ sở trước chiến tranh. Iran liên tục tuyên bố kiểm soát Hormuz trong suốt cuộc chiến và nhiều lần tuyên bố đóng cửa eo biển này.

Tuy nhiên, Matt Smith, Giám đốc nghiên cứu hàng hóa tại Kpler, cho rằng Tehran đang mất dần ảnh hưởng khi lượng dầu vận chuyển qua Hormuz vẫn duy trì ở mức cao. Lượng dầu thô xuất khẩu từ khu vực Trung Đông, bao gồm Vịnh Ba Tư và Biển Đỏ, thậm chí có thời điểm vượt mức trước chiến tranh. Tính đến thứ Hai, khu vực này đạt mức trung bình 19.5 triệu thùng/ngày trong 7 ngày, cao hơn mức cơ sở khoảng 17 triệu thùng/ngày trước chiến tranh, theo dữ liệu Kpler. Tuy nhiên, sự phục hồi không diễn ra đồng đều, Natasha Kaneva, Trưởng bộ phận chiến lược hàng hóa toàn cầu tại JPMorgan , nhận định.

“Thị trường dầu thô về cơ bản đã trở lại bình thường, trong khi nguồn cung các sản phẩm dầu tinh chế vẫn bị hạn chế”, bà nói. Thế giới đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng nguồn cung nhiên liệu khi lượng dầu từ Trung Đông bị hạn chế, trong khi Ukraine liên tục tấn công các nhà máy lọc dầu của Nga. Theo Kpler, lượng sản phẩm dầu tinh chế vận chuyển qua Hormuz chỉ đạt trung bình 677,000 thùng/ngày trong 7 ngày tính đến ngày 28/09, so với 3.6 triệu thùng/ngày trước chiến tranh. Tổng lượng dầu thô và sản phẩm dầu vận chuyển qua Hormuz đạt trung bình 14.2 triệu thùng/ngày trong 7 ngày, tương đương khoảng 80% mức cơ sở khoảng 17 triệu thùng/ngày trước chiến tranh.

Tình trạng thiếu hụt nguồn cung nhiên liệu toàn cầu đã đẩy giá diesel tại Mỹ lên mức kỷ lục, tạo ra rủi ro đáng kể đối với nền kinh tế. Tổng thống Donald Trump đang cân nhắc cấm xuất khẩu diesel trong bối cảnh chịu sức ép chính trị từ các nghị sĩ Cộng hòa trước cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ. “Nguồn gây đau đầu lớn nhất là thị trường diesel”, Francisco Blanch, Trưởng bộ phận hàng hóa toàn cầu tại Bank of America, nói với CNBC ngày 8/9. Xuất khẩu dầu của Iran lao dốc Trong khi đó, xuất khẩu dầu thô của Iran đã lao dốc khi Hải quân Mỹ phong tỏa nước này, theo dữ liệu Kpler. Ông Trump đang tìm cách buộc Tehran đạt được một thỏa thuận bằng cách phong tỏa nguồn thu chủ chốt của Iran.

Mỹ cũng tăng cường chiến dịch trừng phạt. Trong ngày 27/09, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent nói với Fox News rằng Iran sẽ thực hiện những chuyến giao dầu thô cuối cùng cho Trung Quốc trong khoảng hai tuần nữa, sau đó nước này sẽ “không còn gì để trao đổi lấy bất cứ thứ gì”. “Một số người ở Washington cho rằng cứ để lệnh phong tỏa phát huy tác dụng - chúng ta có thể chờ Iran suy yếu”, Helima Croft, Trưởng bộ phận chiến lược hàng hóa toàn cầu tại RBC Capital Markets, nói với CNBC ngày 25/09. Tuy nhiên, Scott Modell, CEO của Rapidan Energy và từng là sĩ quan CIA, cho rằng chưa có bằng chứng rõ ràng cho thấy sức ép kinh tế của Mỹ sẽ làm thay đổi căn bản lập trường của Iran.

Tuần trước, Iran đề nghị mở lại eo biển Hormuz trong vòng 7 ngày nếu Mỹ quay trở lại bản ghi nhớ thỏa thuận (MOU) thất bại hồi tháng 6/2026. Theo MOU này, Mỹ đã đưa ra những nhượng bộ đáng kể, đồng ý dỡ bỏ lệnh phong tỏa và cho phép Iran đàm phán với Oman về một cơ chế quản lý Hormuz trong tương lai. MOU sụp đổ trong mùa hè và xung

đột lại bùng phát. Ông Trump đã bác bỏ đề xuất mới nhất của Iran và nói với các trợ lý rằng ông dự kiến nối lại các cuộc không kích Iran sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, theo các quan chức Mỹ không được nêu tên được The Wall Street Journal dẫn lời.

Các nước Vùng Vịnh thích ứng với tình hình Dù lượng dầu xuất khẩu đã trở lại hoặc gần mức trước chiến tranh, điều kiện an ninh tại eo biển vẫn còn rất khác thường. Iran tiếp tục tấn công các tàu chở dầu, trong đó có những vụ gây thương vong. Theo Kpler, hơn 70% lượng dầu thô đi qua Hormuz trong tháng 8 đã được chuyển sang các tàu khác ngoài khơi Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE) hoặc Oman. Các tàu trung chuyển đưa dầu qua Hormuz đến Vịnh Oman, sau đó hàng hóa được chuyển sang một tàu khác để vận chuyển tới châu Á. Hệ thống trung chuyển này được quân đội Mỹ bảo vệ, qua đó giảm nguy cơ các tàu bị Iran tấn công.

Tuy nhiên, chưa rõ mô hình này có thể duy trì trong bao lâu bởi nó phụ thuộc vào sự bảo vệ của quân đội Mỹ. "Chi phí rất lớn và đây là một cam kết quân sự khổng lồ của Mỹ", Croft nói. Bà cho rằng các quốc gia Vùng Vịnh không xem mô hình "chắp vá" gồm chuyển dầu giữa các tàu và hộ tống quân sự là giải pháp có thể thay thế việc Hormuz được mở cửa hoàn toàn. Các đường ống do Ả-rập Saudi và UAE vận hành cũng đang đóng vai trò quan trọng. Khoảng 40% lượng dầu thô của Vùng Vịnh hiện đi vòng qua Hormuz bằng đường ống, tăng từ 17% trước chiến tranh, theo Kpler. Tuy nhiên, đường ống cũng có thể trở thành mục tiêu tấn công.

Ả-rập Saudi đã đóng đường ống East-West hồi đầu tháng sau khi tuyến này bị hư hại trong một cuộc tấn công bằng máy bay không người lái từ Iraq. Lượng dầu bơm qua cảng Yanbu ở Biển Đỏ đã tăng trở lại, cho thấy đường ống đang được khôi phục hoạt động. Dòng dầu thô vẫn duy trì ổn định trong thời gian đường ống ngừng hoạt động bởi Riyadh có thể chuyển hoạt động xuất khẩu trở lại qua Hormuz nhờ hệ thống trung chuyển được quân đội Mỹ bảo vệ. Tuy nhiên, nguồn cung dầu của khu vực có thể một lần nữa bị gián đoạn khi các cuộc đàm phán ngoại giao đình trệ, làm gia tăng nguy cơ xung đột bùng phát trở lại.

"Những gì chúng tôi liên tục nghe được là Tổng thống sẽ leo thang sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, còn phía Iran sẽ leo thang trước cuộc bầu cử. Hướng đi hiện tại là leo thang", Modell của Rapidan nhận định.

Nguồn: vietstock.vn

HAG: Bầu Đức vừa mạnh tay rót gần 800 tỷ đồng vào loại cây thế giới tiêu thụ gần 29.000 tấn mỗi ngày

Theo báo cáo định kỳ trái phiếu 6 tháng đầu năm 2026 của CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HoSE: HAG), doanh nghiệp đã sử dụng gần 791,8 tỷ đồng trong số 2.000 tỷ đồng huy động từ lô trái phiếu HAG12601 để đầu tư cho các dự án cà phê. Cụ thể, khoảng 164,2 tỷ đồng được rót vào dự án hợp tác trồng cà phê tại Gia Lai thông qua CTCP Chăn nuôi Gia Lai. Một dự án khác tại Gia Lai đã nhận gần 264,6 tỷ đồng. Tại Campuchia, HAGL đã giải ngân gần 363 tỷ đồng cho dự án thông qua CTCP Phát triển Nông nghiệp Stung Treng. Nguồn tiền đến từ lô trái phiếu HAG12601 trị giá 2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 3 năm, phát hành ngày 29/4/2026 để đầu tư các dự án cà phê tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

Lãi suất hai kỳ đầu là 10,5%/năm, sau đó thả nổi theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của OCB cộng 2,5%; OCB bảo lãnh thanh toán tối đa 2.135 tỷ đồng. Cà phê đang trở thành một trong những hướng đầu tư lớn nhất của HAGL trong giai đoạn mới. Theo kế hoạch doanh nghiệp công bố, HAGL đã phát triển khoảng 3.000 ha cà phê trong năm 2025, triển khai thêm 7.000 ha trong năm 2026 và dự kiến mở rộng thêm khoảng 5.000 ha mỗi năm trong giai đoạn 2027-2028. Mục tiêu đến năm 2028 là đạt 20.000 ha cà phê tại Việt Nam, Lào và

Campuchia. Tổng nhu cầu vốn cho chương trình cà phê giai đoạn 2026-2028 được HAGL ước tính khoảng 14.220 tỷ đồng. Cây cà phê của HAGL hiện đã xuất hiện tại nhiều vùng khác nhau.

Tại Gia Lai, doanh nghiệp trồng Arabica; tại Stung Treng của Campuchia có Robusta và Liberica. Ở Lào, một trong những vùng trọng điểm nằm trên cao nguyên Bolaven, nơi có độ cao khoảng 1.000-1.350 m và khí hậu mát mẻ. Quy mô đầu tư này cũng diễn ra trong bối cảnh nhu cầu cà phê toàn cầu vẫn rất lớn. Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), niên vụ 2024/25, thế giới tiêu thụ khoảng 175,1 triệu bao loại 60 kg, tăng 1,4% so với niên vụ trước. Quy đổi tương đương hơn 10,5 triệu tấn một năm, hay bình quân gần 29.000 tấn cà phê mỗi ngày. Riêng khu vực châu Á - châu Đại Dương tiêu thụ khoảng 47,4 triệu bao, tăng 7,4%.

Việc tăng tốc với cà phê diễn ra khi chuối và sầu riêng vẫn là hai cây trồng đem lại nguồn thu lớn cho HAGL. Theo báo cáo tài chính bán niên 2026 đã soát xét, HAGL ghi nhận 3.039 tỷ đồng doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm. Riêng mảng trái cây mang về hơn 2.718 tỷ đồng, tiếp tục chiếm phần lớn doanh thu của tập đoàn. Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 2.204 tỷ đồng, tăng hơn 150% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chuối vẫn là sản phẩm chủ lực, còn sầu riêng đang bước vào giai đoạn tăng nhanh về sản lượng. Nửa đầu năm, HAGL tiêu thụ khoảng 200.458 tấn chuối, mang về khoảng 2.280 tỷ đồng doanh thu. Biên lợi nhuận gộp của mặt hàng này đạt khoảng 47,2%.

Sầu riêng có quy mô doanh thu nhỏ hơn nhưng sản lượng đang tăng nhanh. Trong 6 tháng đầu năm, HAGL thu hoạch 3.086 tấn, đem về khoảng 285,3 tỷ đồng. Đến cuối tháng 9, sản lượng thu hoạch đã đạt khoảng 7.500 tấn, gần gấp đôi cả năm 2025 và vẫn còn tăng khi các vùng trồng tiếp tục bước vào vụ.

Nguồn: cafef.vn

MSN: MSR chính thức đón đối tác chiến lược Elmet, công bố chi trả thêm cổ tức 5.000 đồng/cổ phiếu

Elmet đã hoàn tất mua 4,99% cổ phần MSR từ một công ty con do Masan Group (mã MSN – sàn HOSE) sở hữu 100%, tương ứng mức định giá vốn chủ sở hữu của MSR là 2,5 tỷ USD theo giá trị giao dịch. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua giao dịch thỏa thuận trên UPCoM vào ngày 01/10/2026, sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoàn tất giao dịch, bao gồm các phê duyệt cần thiết từ cơ quan quản lý và cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp. Masan Group tiếp tục là cổ đông kiểm soát MSR với tỷ lệ sở hữu khoảng 87,46%.

Sau khi giao dịch hoàn tất, các thỏa thuận dài hạn về gia công chế biến và cung ứng giữa hai doanh nghiệp đã chính thức có hiệu lực, với sản lượng khoảng 1.250 tấn WO_3 mỗi năm trong hơn 8 năm. Theo giá vonfram hiện hành, tổng doanh thu gộp ước tính mang lại cho MSR trong thời hạn hợp tác đạt khoảng 1,5 tỷ USD, qua đó nâng cao khả năng dự báo doanh thu dài hạn của Công ty. Giao dịch chính thức đưa Elmet trở thành cổ đông chiến lược của MSR, đồng thời là một bước tiến trong kế hoạch mở rộng cơ sở cổ đông, hướng tới niêm yết trên HOSE vào năm 2027. Đồng thời, MSR đã thông qua chủ trương chi trả toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Công ty cho cổ đông bằng tiền mặt.

Sau đợt cổ tức tiền mặt đầu tiên 1.000 đồng/cổ phiếu đã chi trả trong tháng 9/2026, MSR sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về đợt tạm ứng cổ tức thứ hai, dự kiến ở mức 5.000 đồng/cổ phiếu (tương đương 50% mệnh giá), với tổng giá trị khoảng 5.500 tỷ đồng. Theo đó, tổng cổ tức năm 2026 dự kiến đạt 6.000 đồng/cổ phiếu, tương đương khoảng 6.600 tỷ đồng. Mức chi trả chính thức, ngày chốt danh sách cổ đông và ngày thanh toán sẽ được công bố sau khi cổ đông phê duyệt, căn cứ trên báo cáo tài chính được soát xét gần

nhất và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Từ năm tài chính 2027, MSR sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt hàng năm với mức tối thiểu bằng 50% lợi nhuận.

Mức chi trả từng năm sẽ căn cứ vào lợi nhuận thực tế theo chu kỳ giá vonfram. Chính sách này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 phê duyệt. MSR đặt mục tiêu nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên HOSE vào năm 2027 và sẽ cập nhật tiến độ tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Mỗi bước đi chiến lược của Công ty đều hướng tới hiện thực hóa mục tiêu này. Sau khi chi trả cổ tức, MSR vẫn duy trì nền tảng tài chính vững mạnh. Công ty dự kiến tỷ lệ Nợ ròng/EBITDA cuối năm 2026 ở mức khoảng 1,1 lần, thấp hơn mức mục tiêu khoảng 1,7 lần, và tiếp tục hướng tới trạng thái tiền mặt ròng vào năm 2027.

Đồng thời, MSR vẫn bảo đảm nguồn vốn cho tăng trưởng, bao gồm kế hoạch mở rộng công suất sản xuất oxit vonfram lên hơn 8.000 tấn WO_3 mỗi năm. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/9, cổ phiếu MSR tăng 1.100 đồng lên 55.000 đồng/cổ phiếu.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

PC1: Tập đoàn PC1 muốn thoái 40% tại Công ty Tân Thanh

Tập đoàn PC1 thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Tân Thanh, số lượng cổ phần là 1,2 triệu cổ phiếu, tương ứng 40% tổng số cổ phần, thời gian dự kiến từ quý III đến quý IV/2026. Đồng thời, Công ty giao và uỷ quyền cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán, các hồ sơ, thủ tục và quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan chuyển nhượng. Tính tới 30/6/2026, Tập đoàn PC1 đang sở hữu 40% vốn tại CTCP Tân Thanh, đơn vị có trụ sở tại Ninh Bình và hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác đá, cát, sỏi, đất và chế biến đá các loại.

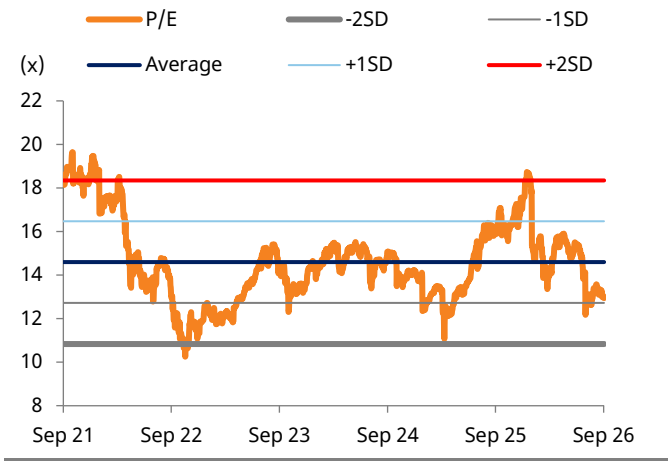
Về hoạt động kinh doanh, nửa đầu năm 2026, Tập đoàn PC1 ghi nhận doanh thu đạt 4.206,02 tỷ đồng, giảm 12,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 505,1 tỷ đồng, tăng 63,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận cải thiện từ 20,2%, lên 22,2%. Dù duy trì đà mở rộng nửa đầu năm 2026 nhưng Tập đoàn PC1 đã trải qua giai đoạn biến động nhân sự cấp cao. Trong đó, tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 tổ chức vào ngày 24/07/2026, Đại hội bầu bổ sung 4 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 gồm: Bà Trịnh Khánh Linh (con gái ông Trịnh Văn Tuấn, cựu Chủ tịch HĐQT), ông Trịnh Tiến Dũng, bà Vũ Thị Minh Nhật và ông Lê Thành Lương.

Ngay sau đại hội, HĐQT đã thống nhất bầu bà Trịnh Khánh Linh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. ĐHĐCĐ PC1 cũng đã miễn nhiệm thành viên HĐQT với ông Trịnh Văn Tuấn, Vũ Ánh Dương, Võ Hồng Quang và Nguyễn Minh Đệ. Các cá nhân này trước đó đã bị khởi tố theo quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an. Về cổ phiếu, đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/9, cổ phiếu PC1 tăng 500 đồng lên 20.750 đồng/cổ phiếu.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

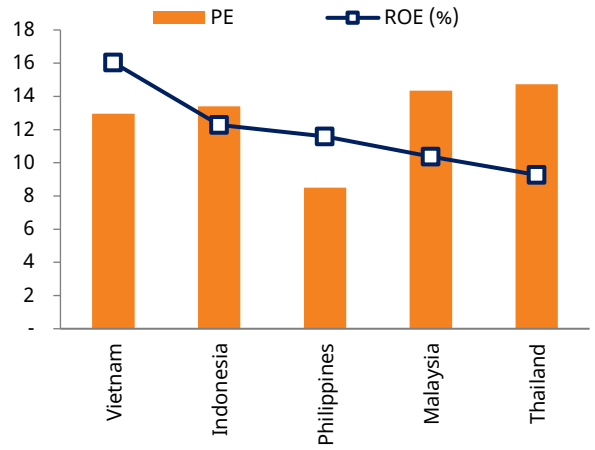
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



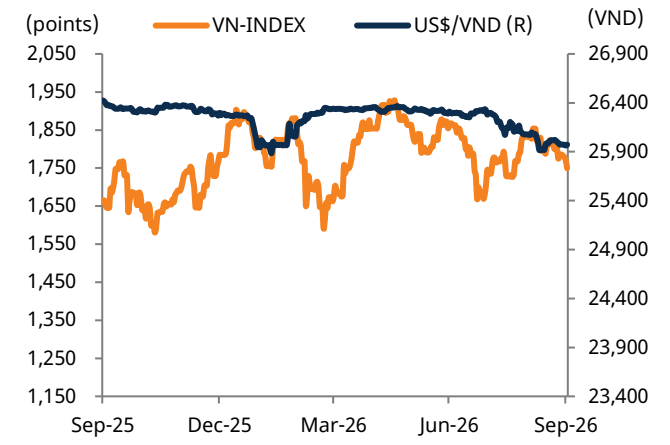
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



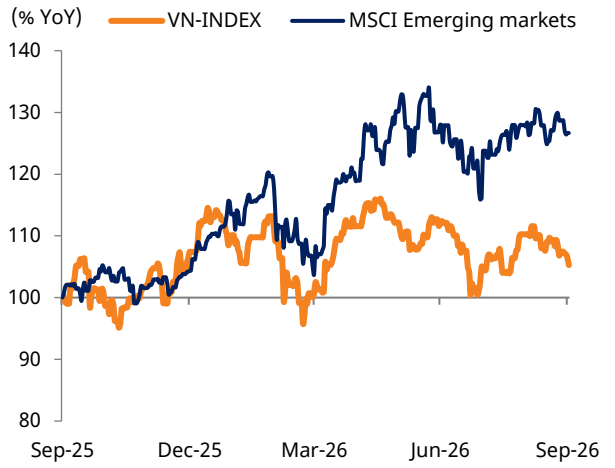
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



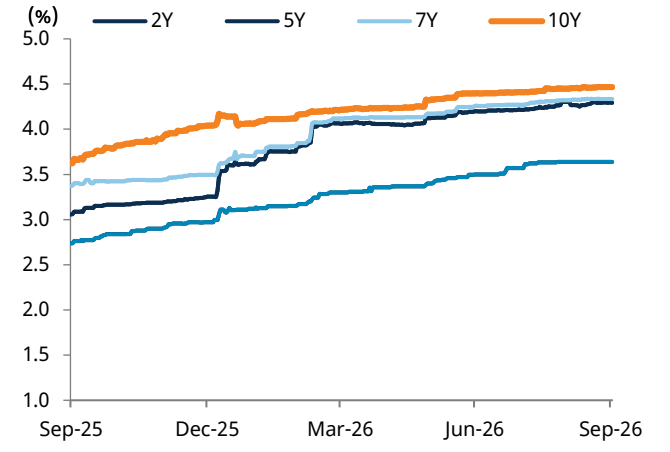
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



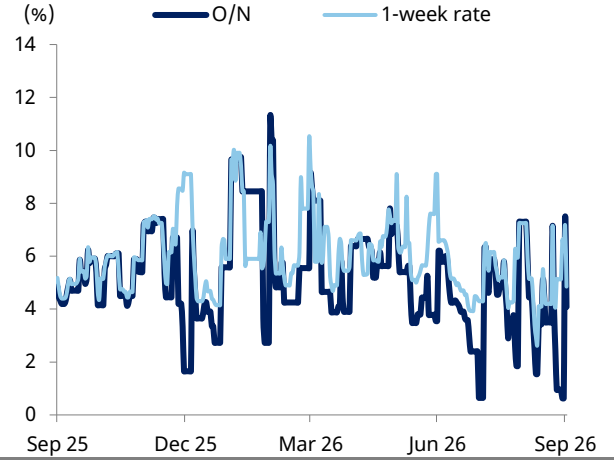
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,531,227**	**1,749.30**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-1.1**	**-1.5**	**-4.5**	**5.1**	**12.9**	**2.0**	**16.0**					
VN30 Index		**6,497,816**	**1,890.57**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.9**	**-2.2**	**-4.7**	**1.1**	**11.3**	**2.0**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	122,473	21,100	24,071	19,204	0.0	-1.4	-6.8	-7.6	7.8	1.2	16.7	23.5	6/15/2026	619	2.9	3.3
Bank for Investment and Development	BID VN	275,739	35,450	52,975	32,150	-1.4	-1.3	-3.8	-5.4	8.3	1.4	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.2	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	156,979	31,350	39,600	13,500	-0.2	4.5	17.9	90.7	7.9	2.1	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.0	0.6
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	233,397	30,050	43,500	28,400	0.2	-0.3	-5.9	-15.6	5.8	1.2	22.2	24.5	7/23/2026	0	2.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	118,237	62,700	98,818	55,909	-0.5	-4.0	-5.8	-26.2	11.8	2.9	27.3	28.4	5/28/2026	1,818	2.9	2.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	197,862	82,000	131,500	56,000	0.0	0.0	-2.6	35.3	15.6	2.9	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.0	3.0
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	131,000	32,750	46,500	24,500	-1.7	-0.2	1.2	17.6	18.5	2.2	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.2	1.2
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	140,148	28,000	30,000	22,400	1.8	1.3	0.7	17.5	7.0	1.6	25.8	21.9	7/12/2024	0	N/A	1.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	169,282	20,050	27,045	20,050	-0.5	-3.6	-9.3	-22.1	7.3	1.2	17.4	21.6	5/11/2026	455	2.3	1.7
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	125,466	42,000	58,500	39,500	-4.5	-9.5	-15.9	-17.6	11.1	2.9	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.1	7.1
Military Commercial JCB	MBB VN	196,844	19,550	24,426	17,678	-0.5	-1.5	-7.1	-10.6	6.3	1.3	22.1	22.2	7/9/2026	828	4.2	4.1
Masan Consumer Corp	MCH VN	181,599	138,900	183,343	125,000	-0.1	-2.0	-2.9	N/A	25.7	9.6	39.4	16.0	8/10/2026	4,074	2.9	3.6
Masan Group Corp	MSN VN	103,541	70,900	94,000	61,700	2.8	0.1	1.0	-12.8	15.3	2.7	19.5	24.2	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	107,135	72,600	94,400	62,500	0.3	-0.4	-3.2	-6.6	10.8	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	1.4	3.2
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	55,535	43,300	57,100	42,050	0.9	-1.9	-5.0	-4.4	12.0	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.5	10.8
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	60,651	11,350	18,185	11,100	-0.9	-2.2	-7.0	-32.1	4.4	0.7	17.5	4.0	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	60,861	17,750	24,800	13,234	-2.7	-11.3	3.8	10.3	21.0	1.4	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	60,235	20,150	32,867	18,083	0.2	-3.4	-5.6	-31.2	11.9	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.1	4.4
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	132,531	70,300	79,000	45,950	-5.0	-8.6	-6.9	17.6	21.6	2.1	5.0	10.7	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	233,846	33,000	42,000	27,800	1.4	0.2	-1.2	-14.4	8.6	1.3	16.1	20.7	5/19/2026	700	2.1	2.6
Techcom Securities JSC	TCX VN	94,886	28,500	45,000	28,500	-2.2	-5.0	-16.2	N/A	15.2	2.1	16.1	8.5	4/7/2026	0	1.2	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	481,287	57,600	78,800	52,600	-0.7	-0.9	-4.2	-7.7	11.6	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	1.6	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	561,894	68,400	86,650	43,450	-0.1	4.6	-6.3	35.2	7.1	2.1	33.1	6.4	6/29/2026	3,000	4.4	2.3
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	49,947	13,400	18,904	12,831	0.4	-0.4	-1.9	-27.0	6.7	1.0	16.2	3.5	4/29/2026	822	6.1	5.8
Vingroup JSC	VIC VN	1,707,681	220,000	265,000	83,900	-3.5	-4.3	-6.8	158.8	78.6	9.8	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	99,675	129,600	169,231	98,000	-1.8	-1.8	3.7	31.6	45.2	3.8	8.7	6.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	122,471	58,600	75,500	54,600	-1.3	-3.3	-5.9	-5.6	12.4	3.8	31.1	49.8	6/26/2026	4,350	8.0	7.8
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	233,000	23,300	27,491	18,962	-0.4	5.4	5.6	-5.0	7.8	1.3	18.3	22.6	5/15/2026	397	1.7	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	140,774	78,500	111,000	67,000	-0.9	0.6	1.2	-2.1	47.0	3.2	7.5	6.5	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	54,876	24,150	45,200	20,900	-0.8	0.0	-7.5	-27.1	7.6	1.1	15.5	11.3	6/30/2026	1,000	4.1	1.4

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.